

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019  
Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình**



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp lần thứ VIII, Quốc hội khóa XIII ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình số 801/BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành;                      0% không tán thành;                      0% không có ý kiến.

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2018/TH 2017	TH2018/KH 2018
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
1	Sản lượng	Tr.đ	154.034	160.892	148.652	96,51	92,39
2	Doanh thu (KH 2018 đang bao gồm 11.122 trđ thuế GTGT)	Tr.đ	140.031	157.387	135.138	96,51	85,86
	Doanh thu (đã trừ thuế)	Tr.đ	140.031	146.266	135.138	96,51	92,39
	<i>Trong đó Doanh thu:</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>96.221</i>	<i>114.178</i>	<i>108.148</i>	<i>112,39</i>	<i>94,72</i>
	+ Từ sản xuất chính	<i>Tr.đ</i>	<i>43.810</i>	<i>35.048</i>	<i>18.829</i>	<i>42,98</i>	<i>53,72</i>
	+ Từ ngoài SX chính			<i>8.161</i>	<i>8.161</i>		
	+ Tiền ray dự án TCT cấp						
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.373	3.373	3.390	100,50	100,50
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.520	2.698	2.706	107,38	100,30
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	17.605	100,00	100,00
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	14,31	15,33	15,37	107,41	100,26



7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.760,50	1.936,6	1.936,6	110,00	100,00
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,00	11,00	11,00	110,00	100,00
9	TNBQ/người/tháng	1000đ	7.760	8.536	8.536	110,00	100,00

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % KH 2019/ TH 2018
1	2	3	4	5	6=5:4
1	Sản lượng	Tr.đ	148.652	167.035	112,37%
2	Doanh thu	Tr.đ	135.138	151.849	112,37%
	<i>Trong đó doanh thu:</i>				
	+ Từ sản xuất chính	Tr.đ	108.148	110.948	102,59%
	+ Từ ngoài sản xuất chính	Tr.đ	18.829	28.346	150,54%
	+Tiền ray dự án TCT cấp	Tr.đ	8.161	12.556	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.390	4.352,5	128,39%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.706	3.482	128,68%
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100,00%
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,37	19,78	128,69%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.936,60	2.095,00	108,18%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11,9	108,18%
9	TNBQ/người/tháng	1000đ	8.536	8.963	105,00%

2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến

5. Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

Cụ thể như sau:

a) Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty:

Đơn vị tính: đồng

T T	Chức danh	Số người	Bình quân (đồng/tháng)	Trong SCTX	Ngoài SXC	Tổng quỹ lương, thù lao năm
1	Tiền lương	6	26.654.000	1.533.461.744	140.128.256	1.673.590.000
2	Thù lao	5	1.279.000	63.834.000	6.010.000	69.844.000
	<b>Tổng cộng</b>					<b>1.743.434.000</b>

b) Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty (tính trong nguồn tiền lương SCTX):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số người	Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 (BQ đồng/tháng)	Tổng quỹ lương, thù lao năm
1	Tiền lương	6	23.798.000	1.713.480.000
2	Thù lao	5	1.340.000	80.400.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.793.880.000</b>

6. Thông qua phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành;                      0% không tán thành;                      0% không có ý kiến.

- Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	2.706.525.099
2	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa phân phối	đồng	0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	2.706.525.099
3.1	Trả cổ tức (1.100đ/cổ phần)	đồng	1.936.550.000
3.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty	đồng	139.466.000
3.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	359.856.099
3.4	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	đồng	270.653.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0

- Trong đó tỷ lệ, hình thức và thời điểm chi trả cổ tức năm 2018 như sau:

+ Tỷ lệ trả cổ tức: 11% trên vốn góp (1.100 đồng/cổ phần) tương ứng 1.936.550.000 đồng;

+ Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt;

+ Thời điểm chi trả cổ tức: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.482.000.000
2	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa phân phối	đồng	0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	3.482.000.000
3.1	Trả cổ tức (1.190 đồng/cổ phần)	đồng	2.094.995.000
3.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty	đồng	142.790.000
3.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	828.113.500
3.4	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	416.101.500
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0

7. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

Trên cơ sở tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình năm 2019 đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao cho:

1. Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán và tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Quảng Bình tổ chức triển khai và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên năm 2019 và có hiệu lực ngay sau khi kết thúc phiên họp.

**Điều 4.** Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trang TTĐT Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TOA PHIÊN HỌP - CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Văn Sáu

Số: 801/BB-ĐHĐCĐ

Quảng Bình, ngày 16 tháng 4 năm 2019

## **BIÊN BẢN**

### **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình**

Hôm nay vào lúc 07h30 phút ngày 16/4/2019, tại trụ sở chính Công ty, số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

#### **I. KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP LỆ CỦA PHIÊN HỌP**

##### **1. Khai mạc và thành phần tham dự phiên họp**

ĐHĐCĐ đã nghe ông Đoàn Thuận - Thay mặt Ban tổ chức khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội gồm có:

- Khách mời:

Ông: Đặng Sỹ Mạnh – UVBCH Đảng bộ - Phó TGD phụ trách Tổng công ty ĐSVN cùng đoàn công tác của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Đại biểu Đại hội đồng cổ đông:

Gồm 39 cổ đông đại diện cho 405 cổ đông của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

##### **2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông**

ĐHĐCĐ đã nghe ông Lê Thanh Chương - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

Tổng số cổ đông được quyền dự họp: 405 cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu: 1.760.500 cổ phần, tương ứng 100% vốn điều lệ.

Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự: 39 cổ đông

Tổng số cổ đông đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ: 39 cổ đông

Tổng số cổ đông không đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ: 0 cổ đông

39/39 đại diện cổ đông theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ đại diện cho 1.760.500 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

##### **3. Thông qua Quy chế họp, nguyên tắc và thể lệ biểu quyết**

ĐHĐCĐ đã nghe ông Đoàn Thuận - Thay mặt cho Ban tổ chức Đại hội trình bày Quy chế họp, Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại phiên họp. ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

#### **II. NỘI DUNG CHÍNH**

##### **1. Bầu ban chủ tọa phiên họp**

ĐHĐCĐ đã bầu Ban chủ tọa để điều hành phiên họp, với tỷ lệ tán thành là 100%, gồm các ông sau:

- Ông: Trần Văn Sáu - Chủ tịch HĐQT;
- Ông: Trần Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty;
- Ông: Nguyễn Văn Minh - Thành viên HĐQT – TP TCHC.

## **2. Cử Ban thư ký phiên họp**

Ban chủ tọa đã cử thư ký để ghi chép diễn biến phiên họp ĐHĐCĐ gồm:

- Ông: Đoàn Thuận Phó giám đốc kiêm TP.KH-KD - Trưởng Ban;
- Ông: Lê Minh Tâm Thành viên Ban Kiểm soát - Thành viên.

## **3. Bầu Ban kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu phiên họp**

ĐHĐCĐ đã bầu Ban kiểm phiếu và giám sát để kiểm phiếu biểu quyết tại phiên họp, với tỷ lệ tán thành là 100%, gồm các ông, bà sau:

### **Ban kiểm phiếu:**

- Ông: Lê Thanh Chương Chủ tịch Công đoàn - Trưởng ban;
- Ông: Phan Đình Công Trưởng phòng KT-AT - Thành viên;
- Ông: Trần Khánh Đoàn Phó TP. KT-AT - Thành viên;
- Ông: Nguyễn Thanh Phong PTP. KH-KD, TV BKS - Thành viên;
- Ông: Uông Ngọc Ánh Giám đốc XN XDCT - Thành viên.

### **Giám sát kiểm phiếu**

- Ông: Lê Văn Duẩn Đội trưởng đội QLĐS 4 - Cổ đông;
- Ông: Mai Văn Cừ Giám đốc XN SXVL-XDTH - Cổ đông;

## **4. Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ và Quy chế họp ĐHĐCĐ**

ĐHĐCĐ đã nghe ông Trần Văn Sáu - Thay mặt Ban chủ tọa trình bày Chương trình họp. ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Chương trình họp với tỷ lệ 100%.

## **5. Báo cáo của Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

- ĐHĐCĐ đã nghe ông Trần Ngọc Sơn, Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.

- ĐHĐCĐ đã nghe ông Trần Văn Sáu, Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

- ĐHĐCĐ đã nghe bà Đỗ Thị Thùy Giang, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

- ĐHĐCĐ đã nghe bà Mai Thị Tuyết Lan, Kế toán trưởng trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

## **6. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ đã nghe ông Nguyễn Văn Minh – Thay mặt đoàn chủ tọa trình bày:

- Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành.

- Tờ trình phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019.

- Tờ trình việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2019.

### **7. Phát biểu của cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn**

Ông: Đặng Sỹ Mạnh – UVBCH Đảng bộ - Phó TGD phụ trách Tổng công ty ĐSVN phát biểu và nêu ra một số định hướng về kế hoạch SXKD ngoài sản xuất chính trong thời gian tới, việc đặt hàng bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, cần tập trung làm tốt công tác sửa chữa đảm bảo an toàn chạy tàu êm thuận, làm tốt công tác ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng hiệu quả các loại máy móc thiết bị để nâng cao chất lượng và năng suất lao động, làm tốt công tác kinh doanh Khách sạn... đồng thời thông tin về chiến lược của Ngành Đường sắt trong thời gian tới, làm cơ sở để Đại hội đồng cổ đông xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

### **8. Thảo luận nội dung các báo cáo, tờ trình**

ĐHĐCĐ đã thảo luận nội dung các báo cáo, tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.

ĐHĐCĐ đã thống nhất các nội dung các Báo cáo đã được trình bày, giải trình tại phiên họp và không có ý kiến khác.

### **9. Biểu quyết thông qua nội dung báo cáo, tờ trình**

9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.2. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.4. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.5. Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019, như sau:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2018/ TH 2017	TH2018/ KH 2018
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
1	Sản lượng	Tr.đ	154.034	160.892	148.652	96,51	92,39
2	Doanh thu (KH 2018 đang bao gồm 11.122 trử thuế GTGT)	Tr.đ	140.031	157.387	135.138	96,51	85,86
	Doanh thu (đã trừ thuế)	Tr.đ	140.031	146.266	135.138	96,51	92,39
	<i>Trong đó Doanh thu:</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>96.221</i>	<i>114.178</i>	<i>108.148</i>	<i>112,39</i>	<i>94,72</i>
	+ Từ sản xuất chính	<i>Tr.đ</i>	<i>43.810</i>	<i>35.048</i>	<i>18.829</i>	<i>42,98</i>	<i>53,72</i>
	+ Từ ngoài SX chính			<i>8.161</i>	<i>8.161</i>		
	+ Tiền ray dự án TCT cấp						
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.373	3.373	3.390	100,50	100,50
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.520	2.698	2.706	107,38	100,30
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	17.605	100,00	100,00
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	14,31	15,33	15,37	107,41	100,26
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.760,50	1.936,6	1.936,6	110,00	100,00
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,00	11,00	11,00	110,00	100,00
9	TNBQ/người/tháng	1000đ	7.760	8.536	8.536	110,00	100,00

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % KH 2019/ TH 2018
1	2	3	4	5	6=5:4
1	Sản lượng	Tr.đ	148.652	167.035	112,37%
2	Doanh thu	Tr.đ	135.138	151.849	112,37%
	<i>Trong đó doanh thu:</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>108.148</i>	<i>110.948</i>	<i>102,59%</i>
	+ Từ sản xuất chính	<i>Tr.đ</i>	<i>18.829</i>	<i>28.346</i>	<i>150,54%</i>
	+ Từ ngoài sản xuất chính	<i>Tr.đ</i>	<i>8.161</i>	<i>12.556</i>	
	+ Tiền ray dự án TCT cấp				
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.390	4.352,5	128,39%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.706	3.482	128,68%
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100,00%
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,37	19,78	128,69%



7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.936,60	2.095,00	108,18%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11,9	108,18%
9	TNBQ/người/tháng	1000đ	8.536	8.963	105,00%

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.6. Đại hội đồng cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

a) Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty:

Đơn vị tính: đồng

T T	Chức danh	Số người	Bình quân (đồng/tháng)	Trong SCTX	Ngoài SXC	Tổng quỹ lương, thù lao năm
1	Tiền lương	6	26.654.000	1.533.461.744	140.128.256	1.673.590.000
2	Thù lao	5	1.279.000	63.834.000	6.010.000	69.844.000
	<b>Tổng cộng</b>					<b>1.743.434.000</b>

b) Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty (tính trong nguồn tiền lương SCTX):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số người	Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 (BQ đồng/tháng)	Tổng quỹ lương, thù lao năm
1	Tiền lương	6	23.798.000	1.713.480.000
2	Thù lao	5	1.340.000	80.400.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.793.880.000</b>

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

9.7. Đại hội đồng cổ đông thông qua Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

- Phân phối lợi nhuận 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	2.706.525.099
2	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa phân phối	đồng	0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	2.706.525.099
3.1	Trả cổ tức (1.100/cổ phần)	đồng	1.936.550.000
3.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty	đồng	139.466.000
3.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	359.856.099
3.4	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	đồng	270.653.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0

- Chi trả cổ tức năm 2018

+ Tỷ lệ trả cổ tức: 11% trên vốn góp (1.100 đồng/cổ phiếu) tương ứng: 1.936.550.000 đồng.

+ Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt

+ Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.482.000.000
2	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa phân phối	đồng	0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	3.482.000.000
3.1	Trả cổ tức (1.190 đồng/cổ phần)	đồng	2.094.995.000
3.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty	đồng	142.790.000
3.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	828.113.500
3.4	Trích quỹ đầu tư phát triển.	đồng	416.101.500
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0

9.8. Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn và danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Trên cơ sở tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình năm 2019 đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết

- + Tán thành: 1.760.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0%

10. Nội dung phát sinh ngoài chương trình họp đã được ĐHĐCĐ thông qua: Không có.

Biên bản này được lập hồi 10h50 phút ngày 16/4/2019 và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại phiên họp với tỷ lệ tán thành là 100%/.

TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN



Đoàn Thuận

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Văn Sáu